

Bản án số: 1364/2018/DS-ST

Ngày: 16/10/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng trả góp.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoài An

2. Ông Đặng Tùng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1432/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng trả góp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2018/QĐST-DS ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng AC.

Trụ sở: Đường M, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc M, địa chỉ lầu 8, đường N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1006/UQ-QLN.17 ngày 22/11/2017).

2. Bị đơn:

Ông Huỳnh Đức N, sinh năm 1984.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Bành Ngọc P,

sinh năm 1987.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường N, Phường Đ, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh .

Địa chỉ liên lạc: Đường U, Phường Đ, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn ông N và bà P vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Ngọc M trình bày: Ngân hàng AC – Phòng giao dịch Lê Lợi (gọi tắt Ngân hàng hoặc AC) và ông Huỳnh Đức N có ký hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp -VND) số LEL.CN.01091013/UII ngày 10/10/2013 với nội dung sau: Số tiền vay 55.000.000 đồng, toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần ngay khi ký HĐTD bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi tại AC chi tiết sau: Tên tài khoản Huỳnh Đức N, số tài khoản tiền gửi 157972329, thời hạn vay 48 tháng kể từ bên vay nhận tiền vay, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn 10%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn 150 % lãi suất trong hạn, số tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng.

Khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm như sau: Cam kết về việc trả nợ của bà P ngày 10/10/2013 theo đó bà P đồng ý cùng trả nợ với ông N cho AC khi ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả.

Sau khi, Ngân hàng giải ngân cho ông N số tiền 55.000.000 đồng thì ông N phải có trách nhiệm trả góp hàng tháng cho Ngân hàng số tiền 1.605.000 gồm nợ gốc 1.146.666 đồng và tiền lãi 458.334 đồng vào ngày 10 hàng tháng theo thông báo lịch trả nợ vay ngày 10/10/2013. Trong quá trình vay từ ngày 10/10/2013 đến tháng 12/2016 thì ông N đã trả góp số tiền là 65.990.000 đồng trong đó gốc là 48.573.308 đồng, tiền lãi là 17.416.692 đồng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 31/5/2017 Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước và ngày 30/6/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UII ngày 10/10/2013 sang nợ quá hạn.

Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thực hiện khởi kiện buộc ông N và bà P phải trả nợ cho Ngân hàng và trong thời hạn Tòa án chuẩn xét xử thì ông N có trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 8.000.000

đồng và tính đến ngày 15/8/2018 ông N còn nợ tổng cộng 9.297.406 đồng của Hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UIIL ngày 10/10/2013 bao gồm như sau: Gốc 3.426.692 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 10/12/2016 tính đến ngày 30/6/2017 là 3.055.560 đồng, lãi quá hạn tính từ 30/6/2017 tạm tính đến ngày 15/8/2018 là 1.615.154 đồng, phạt trễ thanh toán 1.200.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông N và bà P còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Huỳnh Đức N không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Bị đơn bà Bành Ngọc P trình bày tại bản tự khai ngày 16/6/2018 như sau: Bà xác nhận chồng là ông Huỳnh Đức N có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP AC . Qua đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC thì bà xác nhận có ký giấy cam kết về việc trả nợ ngày 10/10/2013 cho Ngân hàng TMCP AC cùng với chồng là ông Huỳnh Đức N, vay trong thời kỳ hôn nhân. Bà đồng ý cùng với ông N trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho vợ chồng bà cho đến khi trả hết nợ vì hiện nay ông N đã nghỉ việc tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh và vợ chồng bà khó khăn.

Tại phiên Tòa: Ông M đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là Ngân hàng không yêu cầu ông N và bà P trả số tiền phạt trễ thanh toán là 1.200.000 đồng.

Ngân hàng yêu cầu buộc ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P cùng phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UIIL ngày 10/10/2013 tổng cộng số tiền là 8.185.929 đồng bao gồm nợ gốc 3.426.692 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 10/12/2016 tính đến ngày 30/6/2017 là 3.055.560 đồng, lãi quá hạn tính từ 30/6/2017 tạm tính đến ngày 16/10/2018 là 1.703.677 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 17/10/2018 ông N và bà P phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên.

Bị đơn ông Huỳnh Đức N, bà Bành Ngọc P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết do các đương sự thỏa thuận Tòa án nơi AC có trụ sở chính giải quyết khi có tranh chấp hợp đồng. Trụ sở chính của AC tại địa chỉ Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông N và bà P phải trả số tiền phạt trễ thanh toán 1.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng AC khởi kiện ông N và bà P phải trả số tiền vay còn thiếu phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng trả góp ngày 10/10/2013 được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ tại khoản 9.5 Điều 9 của Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP AC với ông N có thỏa thuận như sau: “ ...*Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú theo qui định tại Điều 6 Hợp đồng này và/hoặc đã gạch tên khỏi hộ khẩu và/hoặc xuất cảnh quá sáu tháng mà không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới, Bên vay được xem là dấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại văn bản này, tại các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm là nơi cư trú cuối cùng của Bên vay. AC được quyền yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bên vay chấp nhận việc Tòa xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay...*”, và theo kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ Đương sự Huỳnh Đức N có hộ khẩu thường trú số đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, bỏ nhà đi từ năm 2016 và hiện sinh sống tại Bình Chánh không rõ địa chỉ.”, thì khi ông N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Ngân hàng TMCP AC là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[1.3] Căn cứ tại khoản 9.5 Điều 9 của Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP AC với ông N thỏa thuận như sau: “ Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có tranh chấp, thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân nơi AC có trụ sở chính giải quyết”, thì theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP AC có trụ sở chính tại số đường M, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng trả góp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự qui định;

[1.4] Bị đơn ông N và bà P đã được Tòa án thông báo Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn ông N và bà P đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu của Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông N và bà P trả số tiền phạt trễ thanh toán là 1.200.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng. Nếu sau này, Ngân hàng khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.2] Đối với yêu cầu Ngân hàng buộc ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UIIL ngày 10/10/2013 tổng cộng số tiền là 8.185.929 đồng bao gồm nợ gốc 3.426.692 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 10/12/2016 tính đến ngày 30/6/2017 là 3.055.560 đồng, lãi quá hạn tính từ 30/6/2017 tạm tính đến ngày 16/10/2018 là 1.703.677 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.2.1] Về nợ gốc:

[2.2.1.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp-VND) số LEL.CN.01091013/UIIL, số tài khoản vay 167559449 ngày

10/10/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP AC – PGD Lê Lợi với ông Huỳnh Đức N với nội dung sau: Số tiền vay 55.000000 đồng, toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần ngay khi ký HĐTD bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi tại AC chi tiết sau: Tên tài khoản Huỳnh Đức N, số tài khoản tiền gửi 157972329, thời hạn vay 48 tháng kể từ bên vay nhận tiền vay, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 10%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn 150 % lãi suất trong hạn;

[2.2.1.2] Căn cứ Giấy cam kết trả nợ ngày 10/10/2013, Giấy chứng nhận kết hôn ngày đăng ký 10/11/2012 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P và lời khai ngày 16/6/2018 của bà P xác nhận chồng là ông Huỳnh Đức N có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP AC . Qua đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC thì bà xác nhận có ký giấy cam kết về việc trả nợ ngày 10/10/2013 cho Ngân hàng TMCP AC cùng với chồng là ông Huỳnh Đức N, vay trong thời kỳ hôn nhân. Bà đồng ý cùng với ông N trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho vợ chồng bà cho đến khi trả hết nợ vì hiện nay ông N đã nghỉ việc tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh và vợ chồng bà khó khăn thì việc ông Huỳnh Đức N có ký hợp tin dụng trả góp ngày 10/10/2013, vay số tiền 55.000.000 đồng chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP AC là có thật và phù hợp tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự qui định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh như sau: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”;

[2.2.1.3] Căn cứ Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP AC qui định tại khoản 2.2 Điều 2 qui định thanh toán nợ vay như sau: *Kỳ hạn trả nợ, hàng tháng hoặc hàng quý, AC có quyền lựa chọn kỳ hạn trả nợ và thông báo cho bên vay...*”, thì giữa Ngân hàng và ông N thỏa thuận theo thông báo lịch trả nợ vay ngày 10/10/2013 như sau: Ông N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền góp bao gồm nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng vào ngày 10 hàng tháng, số tiền góp hàng tháng 1.605.000 đồng, số tiền góp tháng cuối 1.565.000 đồng và ông N phải trả gốc, lãi cho Ngân hàng bắt đầu từ ngày 10/11/2013 đến ngày 10/10/2017 là thời hạn cuối cùng của ông N trả nợ và nếu không thanh đúng hạn khi đến kỳ trả nợ thì phải chịu mức phạt số tiền 200.000 đồng. Theo bản sao kê sao giao dịch tài khoản vay số 167559449 của ông N thì thể hiện ngày 10/10/2013 Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 55.000.000 đồng cho ông N và ông N có thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 51.573.308 đồng và lãi

17.416.692 đồng nhưng không đúng hạn theo thỏa thuận, ngày 28/4/2018 là ngày cuối ông N trả số tiền 5.000.000 đồng được Ngân hàng căn trừ vào số nợ gốc và còn nợ Ngân hàng số tiền 3.426.692 đồng gốc chưa thanh toán là ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được qui định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

[2.2.1.4] Căn cứ hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UII ngày 10/10/2013 thì ông N vay số tiền 55.000.000 đồng, với mục đích vay tiêu dùng, Giấy cam kết trả nợ ngày 10/10/2013 của bà P, Giấy chứng nhận kết hôn ngày đăng ký 10/11/2012 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P và lời khai ngày 16/6/2018 của bà P đồng ý cùng với ông N trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho vợ chồng bà P cho đến khi trả hết nợ vì vợ chồng bà P khó khăn, là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau: “1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.” và tại khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sau: “1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”;

[2.2.1.5] Vì vậy, từ những căn cứ và qui định pháp luật như đã viện dẫn nêu trên thì đã đủ cơ sở xác định ông N đã được Ngân hàng cho vay mà vi phạm nghĩa vụ trả nợ không đúng thời hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà P cùng phải trả hết số nợ gốc 3.426.692 đồng và bà P cũng đồng ý cùng với ông N trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2] Về nợ lãi:

[2.2.2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UII ngày 10/10/2013 thì giữa Ngân hàng và ông N có thỏa thuận mức lãi suất như sau: Lãi suất trong hạn là 10%/năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định như sau: “ Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”;

[2.2.2.2] Căn cứ tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Giấy cam kết trả nợ ngày 10/10/2013 của bà P, Giấy chứng nhận kết hôn ngày đăng ký 10/11/2012 do Ủy ban nhân dân

xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông N, bà P và lời khai ngày 16/6/2018 của bà P và Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP ACqui định tại Điều 3 về việc thu hồi nợ trước hạn như sau: “... Sau 30 ngày kể từ ngày AC thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên vay không thanh toán đủ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác), AC chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng các biện pháp xử lý theo qui định của pháp luật để thu hồi nợ vay, các chi phí có liên quan” và tại khoản 4.4 Điều 4 qui định về việc chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn như sau: “ ... Trong trường hợp AC thu hồi nợ trước hạn các khoản vay chưa thanh toán của bên vay, sau 30 ngày kể từ ngày AC thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên vay không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn”, thì theo Thông báo lịch trả nợ vay ngày 10/10/2013, thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 31/5/2017 và bản sao kê giao dịch tài khoản vay mà ông N trả nợ thì thể hiện ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 10/12/2016 nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 30/6/2017. Từ những căn cứ nêu trên và theo qui định của pháp luật nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông N và bà P phải trả lãi số tiền 4.759.237 đồng gồm: Lãi trong hạn tính từ ngày 10/12/2016 tính đến ngày 30/6/2017 là 3.055.560 đồng, lãi quá hạn tính từ 30/6/2017 tạm tính đến ngày 16/10/2018 là 1.703.677 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông N và bà P cùng phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ACđược chấp nhận số tiền là 409.296 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng AC buộc ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P phải trả tiền phạt trễ thanh toán 1.200.000 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo qui định của pháp luật.

Buộc ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P trả cho Ngân hàng AC tổng cộng số tiền là 8.185.929 đồng bao gồm nợ gốc 3.426.692 đồng, lãi tính từ ngày 10/12/2016 đến ngày 16/10/2018 là 4.759.237 đồng của Hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UIIL ngày 10/10/2013. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/10/2018, ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng AC, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng tín dụng trả góp số LEL.CN.01091013/UIIL ngày 10/10/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 409.296 đồng ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P cùng phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 402.888 đồng theo biên lai thu số 0019718 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Nguyên đơn Ngân hàng AC được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Huỳnh Đức N và bà Bành Ngọc P vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn